TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01761

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11151022	LÊ TUẤN	ANH	DH11DC	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
2	10135148	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH10TB	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
3	10124010	VŨ TUẤN	ANH	DH10QL	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5
4	10124017	LƯƠNG THỊ	BÌNH	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
5	11135038	VÕ NGUYỄN BẢO	CHÂU	DH11TB	1		8,5	8,0	7,0	7,5	7	5
6	10124025	CÙ THANH	DUNG	DH10QL	1		8,5	8,0	6,0	6,9	6	9
7	10124032	TRẦN TIẾN	DŨNG	DH10QL	1		7,5	8,0	7,0	7,3	7	3
8	10124033	TRẦN VĂN	DŨNG	DH10QL	1		7,5	7,5	6,0	6,6	6	6
9	10151005	NGUYỄN LINH	DUY	DH10DC	1		7,0	7,5	6,0	6,5	6	5
10	11151073	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	DH11DC	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
11	11135002	LÊ PHÚC	ĐIỆP	DH11TB	1		8,0	7,5	6,5	7,0	7	0
12	11135003	LÊ NGỌC	HÀ	DH11TB								
13	11135041	NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG	HẢI	DH11TB	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5
14	10151009	NGUYỄN NGỌC	HẢI	DH10DC	1		7,0	8,0	7,0	7,2	7	2
15	10135025	PHAN THỊ NHẬT	HẢI	DH10TB	1		8,5	8,0	8,0	8,1	8	1
16	11135044	ĐỖ THỊ	HẠNH	DH11TB	1		8,5	8,0	8,0	8,1	8	1
17	10124045	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
18	11135005	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	DH11TB	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thành Nguyên
Nguyễn Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01761

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10135032	PHẠM THỊ HOA	HẬU	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
20	11135067	TĂNG MINH	HIỆP	DH11TB	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
21	10124056	CAO VĂN	HIẾU	DH10QL	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
22	10124057	LÊ THỊ	HOA	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
23	10135043	LÊ THỊ	HÒA	DH10TB	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5
24	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
25	10135042	TRẦN MINH	HOÀNG	DH10TB	1		8,0	7,5	7,0	7,3	7	3
26	10124070	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QL	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
27	11135078	LÝ THỊ THANH	HƯƠNG	DH11TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
28	10124083	LÊ HẠ	LAM	DH10QL	1		0	7,5	7,5	6,0	6	0
29	10124085	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
30	10124086	NGUYỄN THANH	LIÊM	DH10QL	1		8,5	8,0	9,0	8,7	8	7
31	10151081	NGUYỄN THỊ HỒNG	LIỄU	DH10DC	1		8,0	7,5	6,5	7,0	7	0
32	10124091	ĐẶNG THỊ	LINH	DH10QL	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
33	10124092	HUỲNH THỊ THÙY	LINH	DH10QL	1		8,0	7,5	7,0	7,3	7	3
34	10124096	NGUYỄN THỊ	LINH	DH10QL	1		9,0	8,0	7,5	7,9	7	9
35	11135048	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	DH11TB	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
36	10124110	LÊ ĐỨC	MẠNH	DH10QL	1		7,0	7,5	7,5	7,4	7	4

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thành Nguyên

Nguyễn Ngọc Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01761

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV225 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124111	VÕ ĐỨC	MẾN	DH10QL	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
38	10124113	ĐẶNG ĐỖ THANH	MINH	DH10QL	1		0	7,5	8,0	6,3	6	3
39	11135013	BÙI NHẬT	NAM	DH11TB	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
40	10135065	PHẠM NGUYỄN HOÀI	NAM	DH10TB	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5
41	10124122	HOÀNG THỊ	NGA	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
42	10124127	NGUYỄN THẢO	NGÂN	DH10QL	1		9,0	8,0	8,0	8,2	8	2
43	10124137	HÀ VĂN	NHẬT	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
~~44~~	~~11151034~~	~~PHẠM QUANG~~	~~NHẬT~~	~~DH11DC~~								
45	10124139	NGUYỄN NGỌC	NHI	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
46	11135018	LÊ THỊ KIỀU	OANH	DH11TB	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
47	10124145	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	DH10QL	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
48	10124149	LÊ VĨNH	PHÚ	DH10QL	1		8,0	7,5	7,0	7,3	7	3
49	10135088	PHẠM HOÀNG KIM	QUÝ	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
50	10124162	LÂM THỊ THU	SANG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0

Số bài: 48 ; Số tờ: 48

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Chánh Nguyên

Nguyễn Ngọc Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01763

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10151095	VÕ QUỐC	ANH	DH10DC	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
2	10124014	HUỲNH CÔNG	ÂN	DH10QL	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
3	10124018	NGÔ THỊ KIM	BÌNH	DH10QL	1		6,0	7,5	7,0	6,9	6	9
4	10135009	NGUYỄN THỊ ÁNH	CHUNG	DH10TB	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
5	10135011	HUỲNH PHÚ	CƯỜNG	DH10TB	1		7,0	7,5	6,0	6,5	6	5
6	10124023	VŨ HOÀNG	DIỄM	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
7	10151049	LÊ KIÊN	DŨNG	DH10DC	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
8	10124027	BÙI QUANG	DUY	DH10QL	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
9	10124028	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10QL	1		8,0	7,5	6,5	7,0	7	0
10	10124031	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH10QL	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
11	10124035	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	DH10QL	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
12	10124037	VÕ PHẠM NGỌC	ĐẠT	DH10QL	1		0	7,5	3,0	3,3	3	3
13	10135018	TRẦN THỊ NGỌC	ĐIỆP	DH10TB	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
14	10124040	ĐINH VĂN	ĐỨC	DH10QL	1		7,5	8,0	7,0	7,3	7	3
15	10135021	HOÀNG THỊ THANH	GIANG	DH10TB	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
16	10124046	TRẦN MỸ	HẠNH	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
17	10135026	TRẦN THỊ QUỲNH	HẠNH	DH10TB	1		0	7,5	8,0	6,3	6	3
18	10124047	TRƯƠNG VĂN	HẠNH	DH10QL	1		7,5	7,5	6,5	6,9	6	9

Số bài: 46 ; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đắc Phi Hùng

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 6 năm 2013

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01763

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10135029	NGUYỄN THỊ DIỄM	HẰNG	DH10TB	1		0	7,5	7,0	5,7	5	7
20	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
21	10124051	TRẦN VŨ	HẬN	DH10QL	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5
22	10124054	PHAN THỊ THÚY	HIỀN	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
23	10124061	NGUYỄN THANH	HOÀNG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
~~24~~	10124064	TRƯƠNG THỊ TỐ	HUYÊN	DH10QL	1		0	7	6,0	5,0	5	0
25	10124066	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
26	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
27	10124068	TRẦN NGUYỄN BÍCH	HUYỀN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
28	10124078	DƯƠNG MINH	HỮU	DH10QL	1		7,0	8,0	8,0	7,8	7	8
29	10124272	HUỲNH VŨ BẢO	LINH	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
30	10124104	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10QL	1		0	7,5	7,5	6,0	6	0
31	10124107	LÊ THỊ	LỤA	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
32	10124114	ĐINH NGỌC	MINH	DH10QL	1		8,0	8,0	6,5	7,1	7	1
33	11151027	PHẠM ĐỨC	MINH	DH11DC								
34	10124115	TRẦN THỊ	MINH	DH10QL	1		7,5	7,5	6,5	6,9	6	9
35	10124124	ĐẶNG TRƯƠNG TUYẾT	NGÂN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
36	10124126	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7

Số bài:...46...; Số tờ:...46....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đắc Phi Hùng

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Trần Duy Hùng

Ngày 27 tháng 6 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01763

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD301 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124131	DƯƠNG THỊ NHƯ	NGUYỆT	DH10QL	1		9,0	8,0	8,0	8,2	8	2
38	10124133	HỨA THỊ NGỌC	NHÂN	DH10QL	1		8,5	8,0	8,0	8,1	8	1
39	10124134	NGUYỄN VĂN	NHÂN	DH10QL	1		8,0	8,0	6,5	7,1	7	1
40	10124138	NGUYỄN HỒNG	NHẬT	DH10QL	1		9,0	8,0	7,5	7,9	7	9
41	10124273	LÊ THỊ	NHI	DH10QL	1		8,5	8,0	8,0	8,1	8	1
42	10124140	TRẦN MẪN	NHI	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
43	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	DH10QL	1		9,0	8,0	8,5	8,5	8	5
44	10135077	NGUYỄN THANH HỒNG	NHUNG	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
45	10124143	LÂM QUỲNH	NHƯ	DH10QL	1		0	7,5	6,5	5,4	5	4
46	10135080	NGÔ THỊ KIỀU	OANH	DH10TB	1		7,0	7,5	7,5	7,4	7	4
47	10124147	LÊ THANH	PHONG	DH10QL	1		7,0	7,5	8,0	7,7	7	7

Số bài:...46...; Số tờ:...46.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đắc Phi Hùng

Trần Thị Thanh Huyền

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

ThS. Trần Duy Hùng

Ngày 27 tháng 6 năm 2013

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01762

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124167	TRẦN ANH	TÀI	DH10QL	1		7,0	7,5	7,5	7,4	7	4
2	10124168	LÊ THỊ	TÂM	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
3	11135057	NGUYỄN MINH	TÂM	DH11TB	1		7,0	7,5	6,0	6,5	6	5
4	10124169	PHAN THANH	TÂM	DH10QL	1		9,0	7,0	6,0	5,0	5	0
5	10124180	LÊ HỒNG	THÁI	DH10QL	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
6	10124177	LƯU HÀ PHƯƠNG	THẢO	DH10QL	1		8,0	8,0	8,5	8,3	8	3
7	10124178	TRẦN THẠCH	THẢO	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
8	11333197	BÙI PHÓ	THỊNH	CD11CQ	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
9	10124190	TRƯƠNG HỮU	THỌ	DH10QL	1		7,5	7,5	6,5	6,9	6	9
10	10124189	HOÀNG THỊ	THOA	DH10QL	1		7,5	8,0	8,0	7,9	7	9
11	11135064	DƯƠNG QUÝ	THỦY	DH11TB	1		8,0	8,0	9,0	8,6	8	6
12	11135063	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH11TB	1		8,0	8,0	8,5	8,3	8	3
13	10124200	PHẠM LÊ ANH	THƯ	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
14	11124129	BÙI THỊ THANH	THƯƠNG	DH11QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
15	10124202	TRỊNH THỊ	THƯƠNG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
16	10124203	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
17	10135106	NGUYỄN VŨ THÙY	TIÊN	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
18	10135108	NGUYỄN HỮU	TIẾN	DH10TB	1		7,0	8,0	8,0	7,8	7	8

Số bài:...35.....; Số tờ:...35.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Dương Thị Hường Giang

Trương Đỗ Thuỳ Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01762

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV227 **Nhóm Thi :** Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124205	PHẠM NGỌC	TIẾN	DH10QL	1		7,5	7,5	6,5	6,9	6	9
20	10135110	TRẦN ANH	TÍN	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
21	10135111	NGUYỄN THỊ KIM	TÍNH	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
22	11135024	HUỲNH NGUYỄN PHƯỚC	TOÀN	DH11TB	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
23	10135112	TRƯƠNG CÔNG NHÂN	TOÀN	DH10TB	1		7,0	7,5	6,0	6,5	6	5
24	10124215	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
25	11135070	PHẠM THỊ ĐOAN	TRANG	DH11TB	1		8,0	8,0	9,0	8,6	8	6
26	10124217	PHÙNG THỊ KIỀU	TRANG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
27	10124218	TRẦN THỊ THANH	TRANG	DH10QL	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
28	11135029	DƯƠNG BẢO	TRÂN	DH11TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
29	10135131	KHƯU QUỐC	TÚ	DH10TB	1		7,0	8,0	8,0	7,8	7	8
30	10135127	LÊ QUANG	TUẤN	DH10TB	1		7,5	7,5	6,0	6,6	6	6
31	10124235	VŨ TRẦN ANH	TUẤN	DH10QL	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
32	10135141	NGUYỄN ĐÌNH	VINH	DH10TB	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
33	10135146	NGUYỄN THỊ	YÊN	DH10TB	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
34	10124256	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
35	10124258	VÕ THỊ KIM	YẾN	DH10QL	1		9,0	8,0	8,5	8,5	8	5

Số bài:.....35.....; Số tờ:.....35.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Hường Giang

Trương Đỗ Thuỳ Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01764

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124151	LA THỊ THANH	PHÚC	DH10QL	1		9,0	8,0	7,5	7,9	7	9
2	10151066	GIANG MINH	PHỤNG	DH10DC	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
3	10124154	NGUYỄN NGỌC	PHƯỚC	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
4	09124073	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	DH09QL	1		8	8,0	8,0	8,0	8	0
5	10124153	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
6	10124156	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL	1		8,0	8,0	9,0	8,6	8	6
7	10124157	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
8	09162017	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	QUANG	DH09GI								
9	10124161	PHẠM NHƯ	QUỲNH	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
10	10124181	NGUYỄN QUỐC	THÁI	DH10QL	1		7,0	7,5	6,5	6,8	6	8
11	10124172	HUỲNH HOÀNG	THAO	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
12	10124174	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
13	10124176	LÊ THỊ	THẢO	DH10QL	1		8,5	8,0	7,5	7,8	7	8
14	10124179	TRẦN THỊ THU	THẢO	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
15	10124182	LÊ CHÍ	THÂM	DH10QL	1		7,0	7,5	7,5	7,4	7	4
16	10124183	ĐINH THỊ	THE	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
17	10124184	TRẦN LƯU VĨNH	THI	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
18	10124185	TRẦN VĂN	THI	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7

Số bài: 16 ; Số tờ: 16

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01764

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124192	LÊ HOÀI	THU	DH10QL	1		8,5	8	8,0	8,1	8	1
20	10124193	NGUYỄN HOÀI	THU	DH10QL	1		8,0	8	7,0	7,4	7	4
21	10124196	ĐẶNG THỊ BÍCH	THỦY	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
22	10124197	HUỲNH THỊ MỘNG	THÚY	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
23	10124195	LÊ THỊ THANH	THÚY	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
24	10124207	TRẦN MINH	TIẾN	DH10QL	1		7,5	7,5	7,0	7,2	7	2
25	10124211	LÊ THỊ	TRANG	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
26	10124213	NGUYỄN HOÀNG KIỀU	TRANG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
27	10124214	NGUYỄN LÊ ĐÀI	TRANG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
28	10135116	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	DH10TB	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
29	10135125	ĐOÀN NGUYỄN XUÂN	TRÍ	DH10TB	1		0	8	6,5	5,5	5	5
30	10124224	LÊ THỊ ÁI	TRINH	DH10QL	1		8,5	8	7,5	7,8	7	8
31	10124228	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
32	10124226	HUỲNH CHÍ	TRUNG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
33	10124227	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
34	10124229	LÊ THỊ ANH	TRÚT	DH10QL	1		8,0	8,0	8,0	8,0	8	0
35	10124230	HUỲNH TRỌNG	TRƯỜNG	DH10QL	1		7,0	8,0	8,0	7,8	7	8
36	10124231	TIÊU VIẾT	TRƯỜNG	DH10QL	1		7,5	7,5	7,5	7,5	7	5

Số bài: 46 ; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Manh Hùng

Ng Ngọc Mỹ Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01764

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Quy hoạch đô thị (209308) - Số Tín Chỉ: 3 **Ngày Thi :** 27/06/13 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD303 **Nhóm Thi :** Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124232	TRẦN HUỲNH NHẬT	TRƯỜNG	DH10QL	1		7,0	8,5	7,0	7,1	7	1
38	10124236	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	DH10QL	1		8,5	8,0	8,0	8,0	8	0
39	10124239	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	DH10QL	1		8,5	8,0	7,0	7,5	7	5
40	10124241	TRẦN THỊ	TUYẾT	DH10QL	1		8,0	8,0	8,5	8,3	8	3
41	10135136	TRẦN NHƯ	UYÊN	DH10TB	1		0	7,5	8,0	6,3	6	3
42	10124245	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN	DH10QL	1		8,0	8,0	7,5	7,7	7	7
43	10124248	PHAN THỊ YẾN	VI	DH10QL	1		8,0	8	6,0	6,8	6	8
44	10124252	NGUYỄN ĐỨC	VŨ	DH10QL	1		0	7,5	7,0	5,7	5	7
45	10124254	HỒ ÁI	VY	DH10QL	1		8,0	8,0	7,0	7,4	7	4
46	10135145	HỒ ĐĂNG	XUÂN	DH10TB	1		7,0	7,5	7,0	7,1	7	1
47	10124257	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	DH10QL	1		6,5	8,0	8,0	7,7	7	7

Số bài: 46 ; Số tờ: 46

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Ng Manh Hung

Ng Ngọc My Tiên

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

ThS. Trần Duy Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2 Ngày tháng năm

ThS. Trần Duy Hùng